TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày 16 - 3 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lành Văn Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Nguyễn Hoàn

Bà Đàm Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Bích- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 16 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vi Xuân H sinh ngày 02 tháng 9 năm 1981. Tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Phố T1 (nay là phố T), thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp giáo viên; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn C1 (đã chết); con bà Vy Thị C2, sinh năm 1945; có vợ Triệu Thị Ngọc L, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ 27/10/2019 đến 24/12/2019 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

2. Chu Mạnh L, sinh ngày 03 tháng 5 năm 1991. Tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã X (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Ki ốt 86, đường Đặng Văn N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Xuân Đ, sinh năm 1962 và bà Vi Thị H, sinh năm 1969; có vợ Hoàng Thị T, sinh năm 1991 (đã ly hôn); và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, tuy nhiên năm 2007 đã bị Công an

huyện Văn Quan xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 150.000đ về hành vi gây rối trật tự công cộng bị cáo đã chấp hành xong; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 27/10/2019 đến nay.Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Dương Thị N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, Huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Hà Trung D1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Hoàng Tiến L1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Anh Luân Văn D2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số nhà 610 phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Phương Sĩ Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số nhà 655 phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. Anh Linh Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

8. Chị Hoàng Hồng H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

9. Chị Lương Thúy L, sinh năm 1988. Địa chỉ: phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10. Chị Lành Thị K, sinh năm 1984. Địa chỉ: phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

11. Anh Khương Anh Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

12. Anh Ngô Thành D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

13. Ông Sầm Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

14. Anh Hứa Văn Q, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

15. Ông Sầm Văn H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

16. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.Vắng mặt.

17. Anh Hà Minh H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

18. Chị Triệu Thị Ngọc L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 625B phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

19. Bà Lăng Thị N, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

20. Ông Lã Xuân T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

21. Ông Hoàng Trung K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Xuân H, sinh ngày 02/9/1981, trú tại phố T, thị trấn V, huyện V và Chu Mạnh L, sinh ngày 03/5/1991, trú tại thôn K, xã X (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn có mối quan hệ thân thiết với nhau. Từ tháng 11/2018, H và L cùng nhau kinh doanh lĩnh vực tín dụng với hình thức cho vay tiền mặt tính lãi suất, có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản, theo đó H là người bỏ vốn, quản lý, quyết định việc cho vay, tính tiền lãi và ghi sổ sách theo dõi; L là người đứng tên trên giấy vay tiền, giúp H hướng dẫn người vay viết giấy và tham gia việc đòi nợ. Từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2019, H và L đã cho nhiều người trên địa bàn huyện V vay tiền với lãi suất cao, cụ thể:

1. Dương Thị N vay 04 lần: Lần 1:Ngày 25/6/2019, N vay H, L 100.000.000đồng, lãi suất 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 255,5%/năm, thời hạn vay là 01 tháng, H cắt trước 21.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 25/7/2019, N trả cho H, L 21.000.000 đồng tiền lãi của tháng tiếp theo; Lần 2: Ngày 09/7/2019, N vay riêng H 30.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 365%/năm. Đến ngày 20/7/2019, N đã trả cho H 3.300.000 đồng tiền lãi của 11 ngày và 30.000.000 đồng tiền vay gốc; Lần 3: Ngày 26/7/2019, N vay H, L 80.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 365%/năm, thời gian vay là 20 ngày và H cắt trước 16.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 12/8/2019, N trả cho H 5.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 23/8/2019, N trả tiếp cho H 3.500.000 đồng tiền lãi; Lần 4: Ngày 22/8/2019, N vay riêng H 49.000.000 đồng, lãi suất 5%/ngày, tương ứng 1.825%/năm. Ngày 23/8/2019, N trả H 55.000.000 đồng gồm 49.000.000 đồng tiền vay gốc, 2.500.000 đồng tiền lãi của 01 ngày.

Từ ngày 24/8/2019 đến ngày 25/9/2019, N đã nhiều lần trả H tiền lãi của các khoản vay 100.000.000 đồng và 80.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 24/8/2019 N trả 14.500.000 đồng tiền lãi; ngày 06/9/2019 N trả 15.000.000 đồng tiền lãi; ngày 13/9/2019, H yêu cầu trả tiền lãi trước 5.000.000 đồng nhưng N chỉ trả được 3.000.000 đồng; ngày 14/9/2019, đến kỳ trả lãi suất nhưng N không có tiền, H yêu cầu N phải chịu tiền phạt trả lãi chậm là 2.700.000 đồng/ngày, nhưng N chưa trả, đến ngày 16/9/2019, N chậm tiền lãi 02 ngày, phải chịu phạt 5.400.000 đồng,

nhưng N chỉ trả được 2.000.000 đồng; ngày 20/9/2019 N trả 15.000.000 đồng tiền lãi là khoản lãi phải trả tính đến ngày 14/9/2019; ngày 23/9/2019 N trả 3.000.000 đồng tiền lãi; ngày 25/9/2019 N trả 6.000.000 đồng tiền lãi; ngày 26/9/2019 N trả 20.000.000 đồng tiền lãi.Tổng cộng tính đến ngày 26/9/2019, N đã trả cho H 150.800.000 đồng tiền lãi. Ngày 24/10/2019, H chốt sổ số tiền N còn nợ là 250.000.000 đồng, gồm 180.000.000 đồng tiền vay gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 27/9/2019 đến 24/10/2019 (28 ngày).

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa là 20%/ năm, tương ứng với 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày.Đối với khoản vay lần 1 (100.000.000 đồng):Tính từ thời điểm vay (ngày 25/6/2019) đến thời điểm chốt nợ (24/10/2019) là 122 ngày. Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 100.000.000 đồng x 122 ngày = 6.684.929 đồng; đối với khoản vay lần 2 (30.000.000 đồng): Tính theo thoản thuận của hai bên là 11 ngày. Số tiền lãi hợp pháp Huy được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 30.000.000 đồng x 11 ngày = 180.822 đồng; đối với khoản vay lần 3 (80.000.000 đồng): Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng (26/7/2019) đến thời điểm chốt nợ (24/10/2019) là 91 ngày. Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 80.000.000 đồng x 91 ngày = 3.989.040 đồng; đối với khoản vay lần 4 (49.000.000 đồng): Tính theo thỏa thuận của hai bên là 01 ngày. Số tiền lãi hợp pháp H được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 49.000.000 đồng x 01 ngày = 26.849 đồng.

Đối với số tiền lãi 70.000.000 đồng H chốt nợ ngày 24/10/2019, số tiền lãi hợp pháp H được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 180.000.000 đồng x 28 ngày = 2.761.643 đồng.

Số tiền Vi Xuân H và Chu Mạnh L thu lợi bất chính từ việc cho Dương Thị N vay là (150.800.000 đồng + 70.000.000 đồng) – (6.684.929 đồng + 180.822 đồng + 3.989.040 đồng + 26.849 đồng) = 209.918.360 đồng. Số tiền H và L đã thu lợi bất chính trên thực tế là 209.918.360 đồng – (70.000.000 đồng – 2.761.643 đồng) = 142.680.003 đồng.

Trong các khoản vay nêu trên, Chu Mạnh L không liên quan đến các khoản vay 30.000.000 đồng và 49.000.000 đồng, do vậy L chỉ chịu trách nhiệm đối với khoản tiền thu lợi bất chính của khoản vay 100.000.000 đồng và 80.000.000 đồng là 209.918.360 đồng - (3.300.000 đồng + 2.500.000 đồng) – (180.822 đồng + 26.849 đồng) = 203.910.689 đồng. Số tiền thu lợi bất chính thực tế L phải chịu trách nhiệm là 203.910.689 đồng – (70.000.000 đồng – 2.761.643) = 136.672.332 đồng.

2. Hà Trung D2 vay 01 lần:Ngày 08/01/2018, D2 vay của L 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/ năm, thỏa thuận cứ 10 ngày trả lãi một lần là 250.000 đồng. Tính đến ngày 08/3/2019, D2 đã trả 10.500.000 đồng tiền lãi của 420 ngày và trả 5.000.000 đồng tiền gốc. Khoản vay này được xác lập trước thời điểm H với L làm ăn chung. H nhận lại khoản vay này từ L bắt đầu từ ngày 08/11/2018, còn trước đó H không biết; do vậy H chỉ chịu trách nhiệm với số tiền lãi từ 08/11/2018 đến 08/3/2019 là 3.000.000 đồng, tương

đương với 120 ngày lãi.Số tiền lãi hợp pháp L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 5.000.000 đồng x 420 ngày = 1.150.685 đồng. Số tiền L thu lợi bất chính là 10.500.000 đồng - 1.150.685 đồng = 9.349.315 đồng. Số lãi hợp pháp mà H được hưởng trong số L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 5.000.000 đồng x 120 ngày = 328.767 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng – 328.767 đồng = 2.671.233 đồng.

3. Hoàng Tiến L vay 01 lần:Ngày 08/11/2018, Hoàng Tiến L vay của Vi Xuân H và Chu Mạnh L số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, tài sản cầm cố là Giấy đăng ký xe mô tô BKS 12K7-4757 của L, thỏa thuận cứ 10 ngày trả lãi một lần là 250.000 đồng. Tính đến ngày 08/8/2019, L đã trả 6.750.000 đồng tiền lãi của 270 ngày và trả 5.000.000 đồng tiền gốc. H và L chưa trả giấy đăng ký xe mô tô cho Hoàng Tiến L1.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày x 5.000.000 đồng x 270 ngày = 739.726 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 6.750.000 đồng - 739.726 đồng = 6.010.274 đồng.

4. Luân Văn D1 vay 02 lần: Lần 1: Ngày 18/12/2018, D1 vay của H, L 3.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 01 tháng (30 ngày) trả lãi một lần là 450.000 đồng. Tính đến ngày 17/6/2019, D1 đã trả 2.700.000 đồng tiền lãi của 180 ngày và trả 3.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng đối với khoản vay là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 3.000.000 đồng x 180 ngày = 295.890 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 2.700.000 đồng – 295.890 đồng = 2.404.110 đồng; Lần 02: Ngày 22/8/2019, D1 vay của H, L 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 01 tháng (30 ngày) trả lãi một lần là 1.500.000 đồng. Do D2 không trả được tiền lãi, ngày 25/10/2019 H, L chốt số tiền nợ của D1 là 13.000.000 đồng gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi của 02 tháng.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng đối với khoản vay là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 10.000.000 đồng x 60 ngày = 328.767 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng – 328.767 đồng =2.671.233 đồng.Tổng số tiền H và L thu lợi bất chính từ việc cho Luân Văn D1 vay là 2.404.110 đồng + 2.671.233 đồng = 5.075.343 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính trên thực tế là 2.404.110 đồng.

5. Phương Sỹ Đ vay 01 lần**:** Ngày 25/02/2019, Đ vay của H, L 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, tài sản cầm cố gồm 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ Ngân hàng Agribank mang tên Phương Sỹ Đ, thỏa thuận 01 tháng (30 ngày) trả lãi một lần là 3.000.000 đồng. Tính đến ngày 25/5/2019, Đ đã trả 9.000.000 đồng tiền lãi của 90 ngày. Từ ngày 25/5/2019 đến ngày 25/10/2019 Đ không trả được tiền lãi cho H, L. Ngày 26/10/2019 H, L chốt số tiền nợ của Đ là 35.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi của 05 tháng.Tính từ thời điểm vay (25/02/2019) đến thời điểm H chốt nợ (26/10/2019) là 08 tháng tương đương 240 ngày. Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547.945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 20.000.000 đồng x 240 ngày = 2.630.136 đồng. Đối với số tiền lãi 15.000.000 đồng H, L chốt nợ ngày 26/10/2019, số tiền lãi hợp pháp H, L được

hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 20.000.000 đồng x 150 ngày = 1.643.835 đồng.Số tiền H và L thu lợi bất chính là (9.000.000 đồng + 15.000.000 đồng) – 2.630.136 đồng = 21.369.864 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính trên thực tế là 21.369.864 đồng – (15.000.000 đồng – 1.643.835 đồng) = 8.013.699 đồng.

6. Hoàng Văn A vay 01 lần:Ngày 15/4/2019, A vay của H, L 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, tài sản cầm cố là Sổ hộ khẩu của gia đình Hoàng Văn A. H cắt trước 01 tháng tiền lãi là 1.500.000 đồng. Ngày 15/5/2019 A đã trả cho H 10.000.000 đồng tiền gốc, H trả lại A Sổ hộ khẩu.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547.945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 10.000.000 đồng x 30 ngày = 164.384 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng - 164.384 đồng = 1.335.616 đồng.

7. Linh Văn T vay 01 lần:Ngày 10/5/2019, T vay của H, L 40.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 01 tháng (30 ngày) trả lãi một lần là 6.000.000 đồng. Tính đến ngày 10/7/2019, T đã trả 12.000.000 đồng tiền lãi của 60 ngày và đã trả 40.000.000 đồng tiền gốc.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 40.000.000 đồng x 60 ngày = 1.315.068 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 12.000.000 đồng – 1.315.068 đồng = 10.684.932 đồng.

8. Hoàng Hồng H vay 01 lần:Ngày 20/6/2019, H vay của H, L 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 01 tháng (30 ngày) trả tiền lãi một lần là 7.500.000 đồng. Tính đến ngày 20/9/2019, H đã trả 22.500.000 đồng tiền lãi của 90 ngày và chưa trả tiền gốc.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 50.000.000 đồng x 90 ngày = 2.465.753 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 22.500.000 đồng – 2.465.753 đồng = 20.034.247 đồng.

9. Lương Thúy L vay 03 lần:Lần 1: Ngày 02/02/2019, L vay của H, L7.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 146%/năm, thỏa thuận 01 tháng (30 ngày) trả lãi một lần là 840.000 đồng. Tính đến ngày 02/10/2019, L đã trả 6.720.000 đồng tiền lãi của 240 ngày và 7.000.000 đồng tiền gốc.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng từ khoản vay này là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 7.000.000 đồng x 240 ngày = 920.548 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 6.720.000 đồng - 920.548 đồng = 5.799.452 đồng; Lần 2: Ngày 26/6/2019, L vay của H, L 25.000.000 đồng, lãi suất 2.500.000 đồng/tháng tương ứng 120%/năm, tài sản cầm cố là Giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ Ngân hàng đều mang tên Lương Thúy L, thỏa thuận 01 tháng (30 ngày) trả lãi một lần 2.500.000 đồng. Tính đến ngày 26/7/2019, L đã trả 2.500.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 25.000.000 đồng tiền gốc, H đã trả lại L Giấy chứng minh nhân dân và thẻ Ngân hàng.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng từ khoản vay là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 25.000.000 đồng x 30 ngày = 410.959 đồng. Số tiền H va L thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng - 410.959 đồng =2.089.041 đồng; Lần vay 3: Ngày 24/7/2019 L vay của H, L 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 01 tháng trả tiền lãi một lần là 3.000.000 đồng. Tính đến ngày 26/7/2019, L đã trả 200.000 đồng

tiền lãi của 02 ngày và 20.000.000 đồng tiền gốc.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng từ khoản vay là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 20.000.000 đồng x 02 ngày = 21.918 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 200.000 đồng – 21.918 đồng = 178.082 đồng.Tổng số tiền H và L thu lợi bất chính từ việc cho Lương Thúy L vay là 5.799.452 đồng + 2.089.041 đồng + 178.082 đồng =8.066.575 đồng.

10. Lành Thị K vay 03 lần:Lần 1: Ngày 12/7/2019, K vay của H, L18.000.000 đồng trong thời hạn 04 ngày với lãi suất 500.000 đồng/ngày, tương ứng 27.800 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 10.139,7%/năm. Ngày 18/7/2019 K đã trả cho H, L04 ngày tiền lãi là 2.000.000 đồng nhưng chưa trả được tiền gốc nên H, L bắt đầu tính lãi của khoản vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày từ ngày 16/7/2019, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần là 900.000 đồng. Tính đến ngày 15/8/2019, K đã trả 2.700.000 đồng tiền lãi của 30 ngày, đã trả 15.000.000 đồng tiền gốc và nợ lại 3.000.000 đồng tiền gốc.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng từ khoản vay là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 18.000.000 đồng x 34 ngày = 335.343 đòng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng + 2.700.000 đồng – 335.343 đồng = 4.364.657 đồng; Lần 2: Ngày 11/9/2019, K vay của H, L 3.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng từ số tiền 3.000.000 đồng K còn nợ và khoản vay thứ hai là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x (3.000.000 đồng x 60 ngày + 3.000.000 đồng x 40 ngày) = 164.384 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng – 164.384 đồng = 1.335.616 đồng; Lần 3: Ngày 22/10/2019, K vay của H, L 9.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm. H, L cắt trước 1.500.000 đồng tiền lãi bao gồm lãi 60 ngày của số tiền 3.000.000 đồng còn nợ từ khoản vay thứ nhất và lãi 40 ngày của khoản vay thứ hai. Khoản vay này chưa đến hạn thanh toán nên K chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho H, L.Tổng số tiền H và L thu lợi bất chính từ việc cho K vay là: 4.364.657 đồng +1.335.616 đồng = 5.700.273 đồng.

11. Khương Anh Đ Vay 02 lần:Lần 1: Ngày 05/3/2019, Đ vay của H, L 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 1 tháng trả tiền lãi một lần là 1.500.000 đồng. Tính đến ngày 05/4/2019, Đ đã trả 1.500.000 đồng tiền lãi của 30 ngày và 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng từ khoản vay là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 10.000.000 đồng x 30 ngày = 164.384 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng – 164.384 đồng = 1.335.616 đồng;Lần vay 2: Ngày 17/4/2019, Đ vay của H, L 15.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 01 tháng (30 ngày) trả tiền lãi một lần là 2.250.000 đồng. Tính đến ngày 03/10/2019, Đ đã trả 11.250.000 đồng tiền lãi của 150 ngày và 1.200.000 đồng tiền lãi của 16 ngày lẻ. Đ đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và nợ lại 5.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng từ khoản vay thứ hai là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 15.000.000 đồng x 166 ngày = 1.364.384 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 11.250.000 đồng + 1.200.000 đồng – 1.364.384 đồng = 11.085.616

đồng.Tổng số tiền H và L thu lợi bất chính từ việc cho Khương Anh Đ vay là 1.335.616 đồng +11.085.616 đồng =12.421.232 đồng.

12. Ngô Thành D vay 01 lần:Ngày 09/01/2019, D vay của H, L 20.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, H và L cắt trước 3.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 09/02/2019, D đã trả cho H, L 20.000.000 đồng tiền gốc.Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 20.000.000 đồng x 30 ngày = 328.767 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng – 328.767 đồng = 2.671.233 đồng.

13. Sầm Văn T vay 01 lần:Ngày 07/7/2019, T vay của H, L 3.000.000 đồng, lãi suất 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 292%/năm, tài sản cầm cố là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 23/07/2019, T đã trả cho H, L 400.000 đồng tiền lãi của 16 ngày và vay H, L thêm 2.000.000 đồng với lãi suất như trước. Tổng cộng khoản vay là 5.000.000 đồng, thỏa thuận trong vòng 15 ngày T trả lãi cho H, L một lần là 600.000 đồng. Ngày 23/9/2019 T đã trả cho H, L 2.400.000 đồng tiền lãi của 60 ngày và trả 5.000.000 đồng tiền gốc, H vẫn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T. Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x (3.000.000 đồng x 16 ngày + 5.000.000 đồng x 60 ngày) = 190.685 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 400.000 đồng + 2.400.000 đồng – 190.685 đồng = 2.609.315 đồng.

14. Hứa Văn Q vay 01 lần:Ngày 14/02/2019, Q vay của H, L 8.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng 182,5%/năm, tài sản cầm cố là 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình Q đều mang tên bà Lăng Thị N, thỏa thuận 01 tháng trả tiền lãi một lần là 1.200.000 đồng. Tính đến ngày 14/7/2019, Q đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi của 150 ngày và 8.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp H và L được hưởng là 547,945 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 8.000.000 đồng x 150 ngày = 657.534 đồng. Số tiền H và L thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng – 657.534 đồng = 5.342.466 đồng.

Do Hứa Văn Q không có mặt tại nơi cư trú nên không tiến hành ghi lời khai được. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập thấy có đủ cơ sở để xác định khoản vay nêu trên.

Quá trình hoạt động cho vay lãi, Vi Xuân H vay tiền của Lã Xuân T, sinh năm 1971, trú tại phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để làm vốn kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Mức lãi suất này tương ứng 91,25%/năm gấp 4,6 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Cơ quan điều tra đã đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý hành chính.

Quá trình điều tra Vi Xuân H khai bản thân còn vay tổng số tiền 150.000.000 đồng của Hoàng Trung K, sinh năm 1983, trú tại phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 146%/năm gấp 7,3 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện hành vi Cho vay lãi nặng của Hoàng Trung K đối với Vi Xuân H đã bị Tòa án xét xử trong một vụ án khác.

Đối với khoản vay của Sầm Văn H, ngày 14/10/2019, H vay H và L 3.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Chưa đến kỳ trả lãi thì H và L bị bắt, nên H chưa phải trả tiền lãi.

Đối với các khoản vay 3.000.000 đồng của Hoàng Văn T; khoản vay 5.000.000 đồng của Hà Minh H. Quá trình vay tiền giữa H với T, H các bên không thỏa thuận cụ thể lãi suất, H chỉ cầm cố sổ hộ khẩu của H, nay H vẫn đang giữ sổ hộ khẩu của H. Tại phiên tòa bị cáo H không yêu Hội đồng xét xử xem xét.

Về vật chứng thu giữ của các bị cáo đã làm rõ được gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 PLUS, màu vàng, gắn sim số điện thoại 0352.289.888 (thu giữ của Vi Xuân H) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S8 Plus, màu ghi xám, gắn sim số điện thoại 0969.643.047 và 0837.878.886 thu giữ của Chu Mạnh L đều là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; 04 giấy vay tiền chưa ghi nội dung; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 081028607 mang tên Vi Xuân H; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 082163450, mang tên Chu Mạnh L; 01 Sổ hộ khẩu số HK6-475 mang tên Hà Minh H; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn T và Lục Thị N; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sầm Văn H; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sầm Văn T và Hoàng Thị L; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lăng Thị N đây là giấy tờ những người vay đã cầm cố vay tiền với các bị cáo.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị N yêu cầu trả lại số tiền lãi đã nộp cho các bị cáo thu lợi bất chính;đối với anh Phương Sỹ Đ, chị Hoàng Hồng H đều thừa nhận việc thỏa thuận bị cáo H đã trả lại số tiền thu lợi bất chính.Xác nhận ngày 22/01/20120 anh Đ đã trả gốc 9.000.000đ và ngày 03/3/20120 chị H đã trả tiền gốc 22.500.000đ, nay không yêu cầu gì thêm; đối với số tiền anh Sầm Văn H vay bị cáo H và bị cáo L, anh H thừa nhận là có thỏa thuận về lãi 5.000đ/1.000.000đ/ngày nhưng chưa đến hạn trả lãi nên chưa trả lãi cho các bị cáo, số tiền gốc anh H đã trả lại cho bị cáo H, anh H yêu cầu được trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sầm Văn H; bà Lăng Thị N yêu cầu được trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lăng Thị N mà con trai bà là Hứa Văn Q mang đi cầm cố để vay tiền với các bị cáo; đối với anh Hà Trung D2, Hoàng Tiến L, Hoàng Văn A, Linh Văn T, chị Lương Thúy L, Lành Thị K, anh Khương Anh Đ, Ngô Thành D, Sầm Văn T, Hứa Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại các bản khai tại cơ quan điều tra đều yêu cầu các bị cáo trả lại lãi suất vượt quá quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương ứng với số tiền không quá 547,945 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSVQ ngày 16/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Vi Xuân H và Chu Mạnh Lvề tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Vi Xuân H và Chu Mạnh L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố.Theo cáo trạng đã truy tố cả số tiền thu lợi bất chính mà hai bị cáo chưa được nhận.Trên thực tế tổng số tiền Vi Xuân H và Chu Mạnh L đã được nhận và thu lợi bất chính là 237.323.289đ; trong đó: Bị cáo Vi Xuân H được hưởng 118.118.768đ; bị cáo Chu Mạnh L được hưởng 119.204.521đ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Vi Xuân H và Chu Mạnh L phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Xuân H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Mạnh L từ 06 đến 09 tháng tù giam.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, đề nghị phạt tiền 30.000.000đ đến 40.000.000đ đối với bị cáo Vi Xuân H để sung quỹ nhà nước. Đối với bị cáo Chu Mạnh L không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định để đảm bảo thi hành án.

* Về xử lý số tiền phạm tội: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị truy thu sung công quỹ nhà nước các khoản sau:

- Truy thu của bị cáo Vi Xuân H số tiền gốc: 205.000.000đ mà những người vay đã trả cho H, gồm: Dương Thị N 79.000.000đ, Hà Trung D2 2.500.000đ, Hoàng Tiến L 2.500.000đ, Luân Văn D1 1.500.000đ, Hoàng Văn A 5.000.000đ, Linh Văn T 20.000.000đ, Lương Thúy L 26.000.000đ, Lành Thị K 7.500.000đ, Khương Anh Đ 10.000.000đ, Ngô Thành D 10.000.000đ, Sầm Văn T 2.500.000đ, Hứa Văn Q 4.000.000đ; Hoàng Hồng H 22.500.000đ, Phương Sỹ Đ 9.000.000đ, Sầm Văn H 3.000.000đ.

- Truy thu của bị cáo H số tiền lãi hợp pháp (20%) mà người vay đã trả cho H là 9.591.232đ, gồm: Dương Thị N 4.163.834đ, Hà Trung D2 164.384đ, Hoàng Tiến L 369.863đ, Luân Văn D1 147.945đ, Phương Sỹ Đ 493.151đ, Hoàng Văn A 82.192đ, Linh Văn T 657.534đ, Hoàng Hồng H 1.232.876đ, Lương Thúy L 676.712đ, Lành Thị K 249.863đ, Khương Anh Đ 764.384đ, Ngô Thành D 164.384đ, Sầm Văn T 95.343đ, Hứa Văn Q 328.767đ.

Tổng số tiền truy thu của bị cáo H là: 214.591.232đ.

- Truy thu của bị cáo L số tiền gốc 91.500.000đ, mà những người vay đã trả cho L, gồm: Hà Trung D2 2.500.000đ, Hoàng Tiến L 2.500.000đ, Luân Văn D1 1.500.000đ, Hoàng Văn A 5.000.000đ, Linh Văn T 20.000.000đ, Lương Thúy L 26.000.000đ, Lành Thị K 7.500.000đ, Khương Anh Đ 10.000.000đ, Ngô Thành D 10.000.000đ, Sầm Văn T 2.500.000đ, Hứa Văn Q 4.000.000đ.

- Truy thu của bị cáo L số tiền lãi hợp pháp (20%) mà người vay đã trả cho L là 10.205.479đ, gồm: Dương Thị N 2.500.000đ, Hà Trung D2 2.500.000đ, Hoàng Tiến L 369.863đ, Luân Văn D1 147.945đ, Phương Sỹ Đ 493.151đ, Hoàng Văn A 82.192đ, Linh Văn T 657.534đ, Hoàng Hồng H 1.232.876đ, Lương Thúy L 676.712đ, Lành Thị K 249.863đ, Khương Anh Đ 764.384đ, Ngô Thành D 164.384đ, Sầm Văn T 95.343đ, Hứa Văn Q 328.767đ.

Tổng số tiền truy thu của bị cáo L là: 101.705.479đ.

- Truy thu số tiền gốc 248.500.000đ của những người vay chưa trả cho các bị cáo gồm: Dương Thị N: 180.000.000đ; Luân Văn D1: 10.000.000đ; Phương Sỹ Đ: 11.000.000đ; Hoàng Hồng H: 27.500.000đ; Lành Thị K: 15.000.000đ; Khương Anh Đ: 5.000.000đ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 131, 468 Bộ luật Dân sự

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Vi Xuân H và bị cáo Chu Mạnh L về việc bị cáo Vi Xuân H tự nguyện trả thay cho bị cáo Chu Mạnh L toàn bộ số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người vay.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Vi Xuân H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phương Sỹ Đ, chị Hoàng Hồng H về việc bị cáo Vi Xuân H đã trả lại toàn bộ số tiền lãi thu lợi bất chính, cụ thể là:Trả cho anh Phương Sỹ Đ 8.013.698đ; chị Hoàng Hồng H 20.034.248đ.

- Buộc bị cáo Vi Xuân H phải trả số tiền lãi bất hợp pháp cho Dương Thị N 142.680.003đ; Hà Trung D2 9.349.314đ; Hoàng Tiến L 6.010.274đ; Luân Văn D1 2.404.110đ; Hoàng Văn A 1.335.616đ; Linh Văn T 10.684.932đ; Lương Thúy L 8.066.576đ; Lành Thị K 5.700.274đ; Khương Anh Đ 12.421.232đ; Ngô Thành D 2.671.232đ; Sầm Văn T 2.609.314đ; Hứa Văn Q 5.342.466đ. Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính bị cáo Vi Xuân H phải trả cho những người vay là 209.275.343đ.

* Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 PLUS, màu vàng, gắn sim số điện thoại 0352.289.888 (thu giữ của Vi Xuân H) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S8 Plus, màu ghi xám, gắn sim số điện thoại 0969.643.047 và 0837.878.886 thu giữ của Chu Mạnh L do là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 04 Giấy vay tiền chưa ghi nội dung.

- Trả lại cho bị cáo Vi Xuân H 01 Giấy chứng minh nhân dân số 081028607 mang tên Vi Xuân H; trả cho bị cáo Chu Mạnh L 01 Giấy chứng minh nhân dân số 082163450, mang tên Chu Mạnh L, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- Trả lại cho anh Hà Minh H 01 Sổ hộ khẩu số HK6-475 mang tên Hà Minh H; cho anh Hoàng Văn T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn T và Lục Thị N; cho anh Sầm Văn H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sầm Văn H; cho ông Sầm Văn T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sầm Văn T và Hoàng Thị L; cho bà Lăng Thị N 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lăng Thị N do là giấy tờ những người vay đã cầm cố vay tiền với các bị cáo.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2019, Vi Xuân H, Chu Mạnh L đã cho 15 người trên địa bàn huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn vay tổng số tiền 545.000.000đ với lãi suất từ 146%/năm đến 10.139,7%/năm, gấp từ 07 lần đến 500 lần mức lãi suất tối đa quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền Vi Xuân H và Chu Mạnh L tính để thu lợi bất chính là320.589.045đ; trong đó, số tiền thu lợi bất chính bị cáo Vi Xuân H phải chịu trách nhiệm là 313.910.963đ, bị cáo Vi Xuân H đã được hưởng trên thực tế là 230.645.208đ; số tiền thu lợi bất chính bị cáo Chu Mạnh L phải chịu trách nhiệm là 314.581.374đ, bị cáo Chu Mạnh L đã được hưởng trên thực tế là 231.316.619đ.Số

tiền thu lợi bất chính nêu trong cáo trạng là đã cộng cả số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo chưa được nhận trên thực tế. Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo Vi Xuân H và Chu Mạnh L đã thu lợi bất chính trên thực tế là 237.323.289đ; trong đó: Bị cáo Vi Xuân H được hưởng 118.118.768đ; bị cáo Chu Mạnh L được hưởng 119.204.521đ.Khi phạm tội các bị cáo đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm trục lợi cho bản thân. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Vi Xuân H và Chu Mạnh L phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Vi Xuân H và Chu Mạnh L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm trước pháp luật.Để có hình phạt thỏa đáng ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải xem xét đến vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo: Vai trò đồng phạm của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, cùng là người thực hành trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo Vi Xuân H là người bỏ vốn, quản lý, quyết định mọi vấn đề việc cho vay, tính tiền lãi và ghi sổ sách theo dõi; bị cáo Chu Mạnh L là người đứng tên trên giấy vay tiền, giúp Vi Xuân H hướng dẫn người vay viết giấy và trực tiếp tham gia việc đòi nợ. Do vậy, hành vi của bị cáo Vi Xuân H tích cực hơn bị cáo Chu Mạnh L nên bị cáo Vi Xuân H phải chịu mức hình phạt cao hơn đối với bị cáo Chu Mạnh Lực.

[5] Về nhân thân:Bị cáo Vi Xuân H chưa có tiền án, tiền sự nên xác định có nhân thân tốt. Đối với bị cáo Chu Mạnh L không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, năm 2007 bị Công an huyện Văn Quan xử phạt 150.000đ về hành vi gây rối trật tự công cộng, tuy đã được xóa tiền sự nhưng vẫn xác định có nhân thân không tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Vi Xuân H có bố đẻ và mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; công văn ngày 10/3/2020 của Trường Tiểu học 2 thị trấn V xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Vi Xuân H; trong thời gian tại ngoại tại địa phương bị cáoVi Xuân H đã hiến 69,2m^2 đất để làm đường giao thông tại ngõ 11, phố T, thị trấn V, huyện V có giấy xác nhận Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V; trước khi xét xử, bị cáo Vi Xuân H đã khắc phục hậu

quả, trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phương Sỹ Đ, chị Hoàng Hồng H; trong quá trình công tác bị cáo được tặng nhiều giấy khen về chuyên môn nghiệp vụ và 02 lần tặng giấy khen về việc hiến máu nhân đạo. Do vậy, bị cáo Vi Xuân H được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những phân tích trên, thấy rằng bị cáo Vi Xuân H có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có 07 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nên có thể cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có khả năng tự cải tạo, giáo dục bản thân trở thành người có ích cho xã hội.Đối với bị cáo Chu Mạnh L, tuy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo lại có nhân thân không tốt là đã từng có tiền sự. Do đó, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa bị cáo Vi Xuân H là giáo viên có thu nhập ổn định, có tài sản là đất đai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Xuân H nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Còn đối với bị cáo Chu Mạnh L qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa không có tài sản riêng gì có giá trị, không có thu nhập ổn định để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về số tiền phạm tội xét thấy cần truy thu các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung ngân sách Nhà nước: Truy thu của bị cáo Vi Xuân H số tiền gốc 205.000.000đ mà những người vay đã trả, gồm: Dương Thị N 79.000.000đ, Hà Trung D2 2.500.000đ, Hoàng Tiến L 2.500.000đ, Luân Văn D1 1.500.000đ, Hoàng Văn A 5.000.000đ, Linh Văn T 20.000.000đ, Lương Thúy L 26.000.000đ, Lành Thị K 7.500.000đ, Khương Anh Đ 10.000.000đ, Ngô Thành D 10.000.000đ, Sầm Văn T 2.500.000đ, Hứa Văn Q 4.000.000đ, Hoàng Hồng H 22.500.000đ, Phương Sỹ Đ 9.000.000đ, Sầm Văn H 3.000.000đ và số tiền lãi hợp pháp (20%) mà người vay đã trả cho Vi Xuân H là 9.591.232đ, gồm: Dương Thị N 4.163.834đ, Hà Trung D2 164.384đ, Hoàng Tiến L 369.863đ, Luân Văn D1 147.945đ, Phương Sỹ Đ 493.151đ, Hoàng Văn A 82.192đ, Linh Văn T 657.534đ, Hoàng Hồng H 1.232.876đ, Lương Thúy L 676.712đ, Lành Thị K 249.863đ, Khương Anh Đ 764.384đ, Ngô Thành D 164.384đ, Sầm Văn T 95.343đ, Hứa Văn Q 328.767đ. Tổng số tiền truy thu của bị cáo H là: 214.591.232đ; Truy thu của bị cáo Chu Mạnh L số tiền gốc 91.500.000đ, mà những người vay đã trả cho L, gồm: Hà Trung D2 2.500.000đ, Hoàng Tiến L 2.500.000đ, Luân Văn D1 1.500.000đ, Hoàng Văn A 5.000.000đ, Linh Văn T 20.000.000đ, Lương Thúy L 26.000.000đ, Lành Thị K 7.500.000đ, Khương Anh Đ 10.000.000đ, Ngô Thành D 10.000.000đ,

Sầm Văn T 2.500.000đ, Hứa Văn Q 4.000.000đ và truy thu của bị cáo Chu Mạnh L số tiền lãi hợp pháp (20%) mà người vay đã trả cho L là 10.205.479đ, gồm: Dương Thị N 2.500.000đ, Hà Trung D2 2.500.000đ, Hoàng Tiến L 369.863đ, Luân Văn D1 147.945đ, Phương Sỹ Đ 493.151đ, Hoàng Văn A 82.192đ, Linh Văn T 657.534đ, Hoàng Hồng H 1.232.876đ, Lương Thúy L 676.712đ, Lành Thị K 249.863đ, Khương Anh Đ 764.384đ, Ngô Thành D 164.384đ, Sầm Văn T 95.343đ, Hứa Văn Q 328.767đ. Tổng số tiền truy thu của bị cáo L là: 101.705.479đ; truy thu số tiền gốc 248.500.000đ của những người vay chưa trả cho các bị cáo gồm: Dương Thị N: 180.000.000đ; Luân Văn D1: 10.000.000đ; Phương Sỹ Đ: 11.000.000đ; Hoàng Hồng H: 27.500.000đ; Lành Thị K: 15.000.000đ; Khương Anh Đ: 5.000.000đ.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Vi Xuân H đã thỏa thuận và trả lại toàn bộ số tiền lãi đã thu cho anh Phương Sỹ Đ và chị Hoàng Hồng H, cụ thể ngày 22/01/2020 Vi Xuân H trả cho anh Phương Sỹ Đ 9.000.000đ; ngày 03/3/2020 Vi Xuân H trả cho chị Hoàng Hồng H 22.500.000đ.Đối với số tiền các bị cáo thu lợi bất chính củanhững người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 209.275.343đ, cụ thể: Chị Dương Thị N 142.680.003đ; Hà Trung D2 9.349.314đ; Hoàng Tiến L 6.010.274đ; Luân Văn D1 2.404.110đ; Hoàng Văn A 1.335.616đ; Linh Văn T 10.684.932đ; Lương Thúy L 8.066.576đ; Lành Thị K 5.700.274đ; Khương Anh Đ 12.421.232đ; Ngô Thành D 2.671.232đ; Sầm Văn T 2.609.314đ; Hứa Văn Q 5.342.466đ. Xét thấy, tại phiên Tòa chị Dương Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Trung D2; Hoàng Tiến L; Luân Văn D1; Hoàng Văn A; Linh Văn T; Lương Thúy L; Lành Thị K; Khương Anh Đ; Ngô Thành D; Sầm Văn T; Hứa Văn Q vắng mặt đều yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền lãi suất vượt quá quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có tài liệu hợp pháp chứng minh được là các bị cáo đã trả số tiền thu lợi bất chính này nên cần buộc các bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay đã trả cho các bị cáo. Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa bị cáo Vi Xuân H và bị cáo Chu Mạnh L thỏa thuận là bị cáo Vi Xuân H tự nguyện trả thay bị cáo Chu Mạnh L toàn bộ số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[11]Xử lý vật chứng:Cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động là phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 PLUS, màu vàng, gắn sim số điện thoại 0352.289.888 thu giữ của Vi Xuân H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S8 Plus, màu ghi xám, gắn sim số điện thoại 0969.643.047 và 0837.878.886 thu giữ của Chu Mạnh L; Tịch thu tiêu hủy 04 Giấy vay tiền chưa ghi nội dung;về những tài sản, đồ vật thu giữ của các bị cáo và và các giấy tờ khác không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại, cụ thể là: Trả cho bị cáo Vi Xuân H 01 Giấy chứng minh nhân dân số 081028607 mang tên Vi Xuân

H; trả cho bị cáo Chu Mạnh L 01 Giấy chứng minh nhân dân số 082163450, mang tên Chu Mạnh L; trả lại cho anh Hà Minh H 01 Sổ hộ khẩu số HK6-475 mang tên Hà Minh H; cho anh Hoàng Văn T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn T và Lục Thị N; cho anh Sầm Văn H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sầm Văn H; cho ông Sầm Văn T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sầm Văn T và Hoàng Thị L; cho bà Lăng Thị N 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lăng Thị N là giấy tờ những người vay đã cầm cố vay tiền với các bị cáo.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự và bị cáo Vi Xuân H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

[12] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với Vi Xuân H.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với Chu Mạnh L.

Căn cứ Điều 131, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a, c, f, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Xuân H và Chu Mạnh L phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Vi Xuân H 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vi Xuân H cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung là phạt tiện bị cáo Vi Xuân H 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Chu Mạnh L 06 (sáu) tháng tù giam, thời gian chấp hành tình từ ngày 27/10/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với vị cáo.

3. Xử lý số tiền phạm tội:

- Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Vi Xuân H số tiền gốc 205.000.000đ và số tiền lãi hợp pháp là 9.591.232đ. Tổng số tiền truy thu của bị cáo Vi Xuân H là: 214.591232đ.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Chu Mạnh L số tiền gốc 91.500.000đ và số tiền lãi hợp pháp là 10.205.479đ. Tổng số tiền truy thu của bị cáo Chu Mạnh L là: 101.705.479đ.

- Truy thu số tiền gốc sung quỹ Nhà nước gồm: Chị Dương Thị N 180.000.000đ; Luân Văn D1 10.000.000đ; Phương Sỹ Đ 11.000.000đ; Hoàng Hồng H 27.500.000đ; Lành Thị K 15.000.000đ và Khương Anh Đ 5.000.000đ.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Xác nhận bị cáo Vi Xuân H đã trả lại toàn bộ số tiền lãi thu lợi bất chính cho anh Phương Sỹ Đ 8.013.698đ; chị Hoàng Hồng H 20.034.248đ.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Vi Xuân H và bị cáo Chu Mạnh L về việc bị cáo Vi Xuân H tự nguyện trả thay bị cáo Chu Mạnh L toàn bộ số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người vay cụ thể là: Trả cho Dương Thị N 142.680.000đ; Hà Trung D2 9.349.314đ; Hoàng Tiến L 6.010.274đ; Luân Văn D1 2.404.110đ; Hoàng Văn A 1.335.616đ; Linh Văn T 10.684.932đ; Lương Thúy L 8.066.576đ; Lành Thị K 5.700.274đ; Khương Anh Đ 12.421.232đ; Ngô Thành D 2.671.232đ; Sầm Văn T 2.609.314đ; Hứa Văn Q 5.342.466đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sach nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 PLUS, màu vàng, gắn sim số điện thoại 0352.289.888 của Vi Xuân H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S8 Plus, màu ghi xám, gắn

sim số điện thoại 0969.643.047 và 0837.878.886 của Chu Mạnh L do là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 04 Giấy vay tiền chưa ghi nội dung.

- Trả lại tài sản, đồ vật không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, gồm: Trả lại cho bị cáo Vi Xuân H 01 Giấy chứng minh nhân dân số 081028607 mang tên Vi Xuân H; trả cho bị cáo Chu Mạnh L 01 Giấy chứng minh nhân dân số 082163450, mang tên Chu Mạnh L; trả lại cho anh Hà Minh H 01 Sổ hộ khẩu số HK6-475 mang tên Hà Minh H; cho anh Hoàng Văn T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn T và Lục Thị N; cho anh Sầm Văn H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sầm Văn H; cho ông Sầm Văn T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sầm Văn T và Hoàng Thị L; cho bà Lăng Thị N 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lăng Thị N

(*Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/01/2020).*

4. Án phí: Buộc bị cáo Vi Xuân H và Chu Mạnh L mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Vi Xuân H chịu 10.463.767đ tiền án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

5. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan;
- Công an huyện Văn Quan;
- CCTHADS huyện Văn Quan;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lành Văn Huế